TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày 12-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thôn báo thay đổi lịch xét xử số 06/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hà Thị T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1984 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Lê Thị T; có chồng là Nguyễn Bá T và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2021; có mặt.

2. Phan Thị Th, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1979 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số 2G2, tập thể Đông Lạnh 42 M, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình L và bà Bùi Thị T; có chồng là Bùi Hữu H và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2021; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Đào Trọng A và anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, Văn phòng Công chứng T, địa chỉ tại thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ba N, sinh năm 1954 và vợ Bùi Thị B, sinh năm 1950, do Hà Thị T mang đến công chứng, chứng thực có dấu hiệu là tài liệu giả. Đại diện Văn phòng công chứng T đã trình báo Công an huyện An Dương về vụ việc nêu trên. Công an huyện An Dương đã lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, thu giữ vật chứng niêm phong gửi giám định.

Vật chứng thu giữ: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ba N, sinh năm 1954 và vợ Bùi Thị B, sinh năm 1950, địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã K, huyện T, Hải Phòng; số AD 688695, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0362/H/2015, ghi ngày 29/11/2005; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7.

Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T và T không thu giữ được vật chứng gì có liên quan.

Tại kết luận giám định số 93/KLGĐ – PC09 ngày 25/6/2021 của Phòng PC09-Công an thành phố Hải Phòng như sau: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ba N, sinh năm 1954 và vợ Bùi Thị B sinh năm 1950, địa chỉ: Thường trú: Thôn 3, xã K, huyện T, Hải Phòng; số AD 688695, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0362/H/2015, ghi ngày 29/11/2005 là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-AD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hà Thị T về tội Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; truy tố bị cáo Phan Thị Th về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Hà Thị T và Phan Thị Th khai nhận: Tháng 4 năm 2021, Hà Thị T và Phan Thị Th có nhu cầu cần vay tiền để kinh doanh chung. T nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên bố mẹ chồng của T là ông Nguyễn Bá N và bà Bùi Thị B để đi vay tiền. T đã vào mạng xã hội Facebook tìm thông tin về người nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau khi tìm được số điện thoại của đối tượng (bị cáo không xác định được lai lịch) nhận làm giấy tờ giả thì T gửi lại cho Th để liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. T đồng ý. Đồng thời T gửi qua zalo hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Bá N và bà Bùi Thị B (T có thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do vào năm 2019, T nhờ ông Nguyễn Bá N và bà Bùi Thị B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng), sổ hộ khẩu, căn cước công dân của T cho Th để Th gửi cho đối tượng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Th liên hệ với số điện thoại T đã gửi, để giao dịch thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 3.000.000 đồng. T chuyển khoản số

tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Th. Th đến một cửa hàng (không xác định được địa chỉ cụ thể) trên đường Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để chuyển tiền chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng làm giả. Khoảng một tháng sau, Th nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do một người không quen biết (đeo khẩu trang) mang tới địa chỉ nhà Th, Th đưa lại cho T. Thông qua người quen giới thiệu, T và Th thống nhất hỏi vay số tiền 50.000.000đ của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Xã K, huyện T, Hải Phòng. Ngày 08/6/2021, T đến Văn phòng công chứng T, địa chỉ tại thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng làm thủ tục công chứng, chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Quá trình làm thủ tục thì Văn phòng công chứng T phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên có dấu hiệu nghi là giả nên đã trình báo Công an huyện An Dương.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu, khẳng định bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hà Thị T về tội Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; truy tố bị cáo Phan Thị Th về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức theo tội danh và điều luật đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Thị T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng về tội "Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"; xử phạt bị cáo Phan Thị Th mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO A7 thu giữ của Hà Thị T.

- Về án phí: Các bị cáo T, Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được rõ hành vi phạm tội của mình và ăn năn hối cải, đều đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên toà các bị cáo Hà Thị T và Phan Thị Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 4 năm 2021, Hà Thị T và Phan Thị Th có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Bá N và bà Bùi Thị B. Ngày 08/6/2021, Hà Thị T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên mang đi công chứng để vay tiền. Hành vi của bị cáo Hà Thị T đã phạm vào tội Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; hành vi của bị cáo Phan Thị Th đã phạm vào tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi làm giả và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là trái pháp luật. Các bị cáo cũng nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi nhưng do lợi ích cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng song hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

[4] Trong vụ án này có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Hà Thị T là người chủ động tìm kiếm thông tin người làm giả tài liệu, chuẩn bị tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để bị cáo Phan Thị Th liên hệ làm tài liệu giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng là người chủ động chi trả tiền cho việc làm tài liệu giả nên xác định bị cáo Tình có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phan Thị Th là người trực tiếp liên hệ và thực hiện giao dịch thỏa

thuận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giúp cho bị cáo T, như vậy xác định bị cáo Th là đồng phạm giúp sức, có vai trò thấp hơn bị cáo T.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo để làm căn cứ xác định mức hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy: Các bị cáo T và Th phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, do đó các bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại Oppo thu giữ của bị cáo Hà Thị T có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo T và Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

- Về các vấn đề khác:

[11] Trong vụ án này, đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo T và Th hiện không xác định được lai lịch cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương tách ra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Giao bị cáo Hà Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Th 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", thời gian thử thách là 18 (Mười tám)

tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019:

"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan".

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Oppo A7 thu giữ của bị cáo Hà Thị T.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Dương;
- Trại tạm giam - Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thao